

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Lao cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Lao cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Her*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH LAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 2 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Lao*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Tuberculosis*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
6. Chuyên ngành đào tạo: *Lao*
7. Mã ngành đào tạo: *CK 60 72 24*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung theo đợt*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Lao*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Tuberculosis*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objectives - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học phải đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp	✓	✓	✓

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị, tiên lượng, tư vấn, dự phòng và chuyển đúng tuyến các thể bệnh Lao và bệnh Phổi.	✓	✓	✓
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	✓	✓	✓
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	✓	✓	✓

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp	✓	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị, tiên lượng, dự phòng được các thể bệnh Lao và bệnh Phổi.		✓
II. Kỹ năng			
PLO 3	Phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị, tiên lượng, tư vấn, dự phòng được các thể bệnh Lao và bệnh Phổi.		✓

PLO 4	Chỉ định và phân tích được kết quả cận lâm sàng phục vụ chẩn đoán, điều trị, tiên lượng các thể bệnh Lao và bệnh Phổi.		✓
PLO 5	Thực hiện được một số kỹ thuật, thủ thuật trong chẩn đoán, điều trị các thể bệnh Lao và bệnh Phổi.		✓
PLO 6	Xử trí được một số cấp cứu thường gặp trong Lao và bệnh Phổi.		✓
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Lao và bệnh Phổi	✓	
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp	✓	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Lao và Bệnh phổi	✓	
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học	✓	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PEO 1	✓	✓								
PEO 2			✓	✓	✓	✓				
PEO 3							✓			
PEO 4								✓	✓	✓

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

- Yêu cầu về văn bằng: Bác sĩ Đa khoa, Bác sĩ Y học dự phòng.
- Yêu cầu về chuyên môn: có chứng chỉ hành nghề bác sĩ đa khoa hoặc có thâm niên công tác trong chuyên ngành Lao tối thiểu 01 năm.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Yêu cầu về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

2. Điều kiện tốt nghiệp

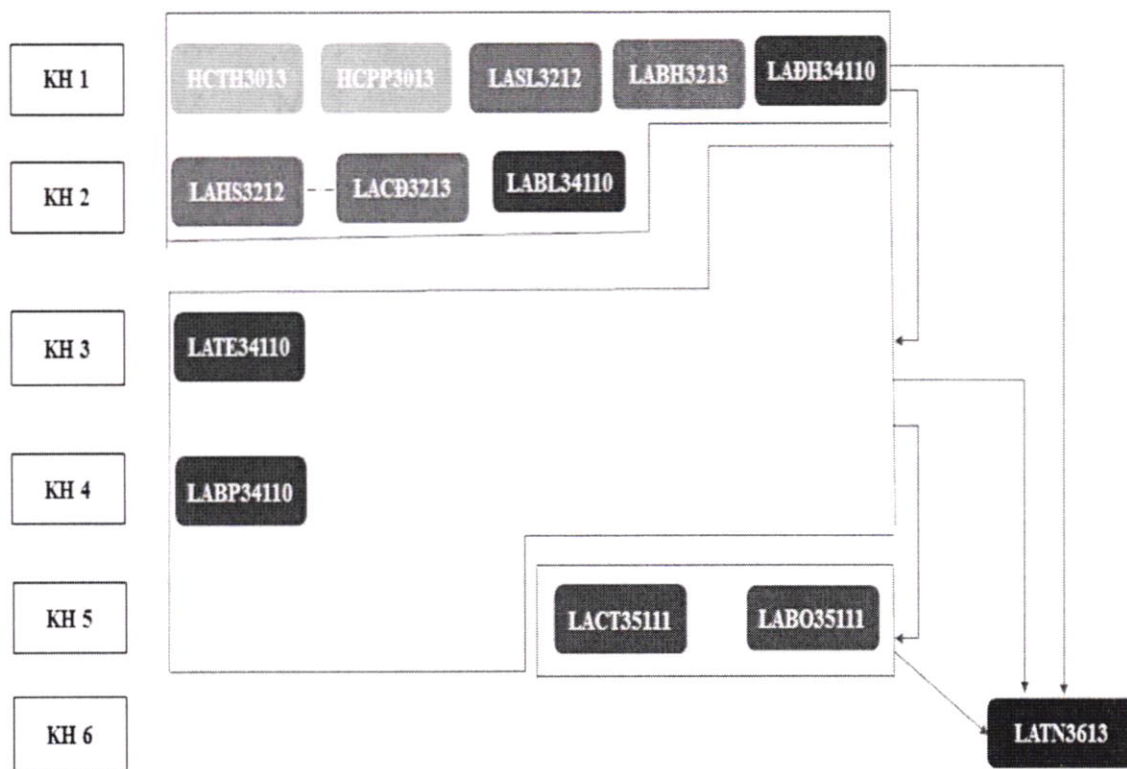
- Người học đủ thời gian và đạt được các kết quả các học phần theo yêu cầu.
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà trường.

VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	Khối kiến thức cơ bản: 6 (8,6%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc: 6 (8,6%)									
1	HCTH3013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (3/0)	45	0	105	HCTH3013			1
II	Khối kiến thức cơ sở ngành: 10 (14,3%)									
2.1	Học phần/module bắt buộc: 10 (14,3%)									
3	LASL3212	Sinh lý bệnh-miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70	HCPP3013			1
4	LABH3213	Bệnh học nội khoa	3 (1/2)	15	60	75	LASL3212			1
5	LAHS3212	Hồi sức cấp cứu	2 (1/1)	15	30	55	LABH3213			2
6	LACD3213	Chẩn đoán hình ảnh	3 (1/2)	15	60	75				2

III	Khối kiến thức chuyên ngành: 51 (72,8%)							HP I, II	
3.1	Học phân/module bắt buộc: 40 (57,1%)								
7	LADH34110	Định hướng chuyên khoa lao	10 (3/7)	45	210	245			1
8	LABL34110	Bệnh Lao người lớn	10 (3/7)	45	210	245		LADH34110	2
9	LATE34110	Lao trẻ em	10 (3/7)	45	210	245		LADH34110	3
10	LABP34110	Bệnh phổi ngoài lao	10 (3/7)	45	210	245		LADH34110	4
3.2	Học phân/module tự chọn: 11 (15,7%) (Người học chọn một trong các học phân sau)								
11	LACT35111	Chương trình chống lao quốc gia	11 (4/7)	60	210	280		LABP34110	5
12	LABO35111	Bệnh phổi hiếm gặp	11 (4/7)	60	210	280		LABP34110	5
IV	Tốt nghiệp: 3 (4,3%)								
13	LATN3613	Ôn và thi tốt nghiệp	3 (1/2)	15	60	75		Kết thúc các HP	6

VII. Tiến trình dạy- học (Curriculum Mapping)



Ghi chú:



VIII. Mức độ đóng góp của các học phần/module vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	HCTH3013	H					M	M	M	M	M
2	HCPP3013	H					M	M	M	M	M
3	LASL3212	H	H				M	M	M	M	M
4	LABH3213	H	H				M	M	M	M	M
5	LAHS3212	H	H				M	M	M	M	M
6	LACĐ3213	H	H				M	M	M	M	M
7	LADH34110			H	H	H	H	M	M	M	M
8	LABL34110			H	H	H	H	H	H	M	M
9	LATE34110			H	H	H	H	M	M	M	M
10	LABP34110			H	H	H	H	M	M	M	M
11	LACT35111			H			M	H	H	M	M
12	LABO35111			H	H	H	H	M	M	M	M
13	LATN3613			H	H	H	H	M	M	M	M

Mức độ đóng góp: L: Low = thấp; M: Medium = trung bình; H: High = mức cao

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thuyết trình	✓	✓					✓	✓		✓
Thảo luận	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận qua giao ban, đi buổi, ca lâm sàng			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Hướng dẫn kỹ thuật, thủ thuật trên lý thuyết và thực tế				✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1,2,3,4,5,10	Đánh giá ý thức của người học thông qua mức độ hoàn thành chỉ tiêu, mức độ tự giác, chủ động tham gia thực hành, thảo luận, đóng góp ý kiến	10
KTTX	1,2,3	MCQ sau khi kết thúc 1/3 bài học lý thuyết, chăm bệnh án	10
Thi GHP	1,2,3,4,5,6,7,8,9	Chăm tiêu luận, đánh giá kỹ năng làm thủ thuật và bệnh án sau khi kết thúc 2/3 thời gian học phần	30
Thi KTHP	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	Đánh giá toàn bộ nội dung học phần bằng chuyên đề/tự luận đối với lý thuyết và kỹ năng làm thủ thuật, bệnh án đối với thực hành	50

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Trắc nghiệm	✓	✓								
Đánh giá tiểu luận	✓	✓						✓	✓	✓
Đánh giá chuyên đề	✓	✓					✓	✓	✓	
Đánh giá bệnh án			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Đánh giá Chỉ tiêu thực hành			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	
Đánh giá Kỹ năng thực hành trên người bệnh			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐH Y Được Thái Nguyên		Trường ĐH Y Được Huế		Trường ĐH Y Hải Phòng	
	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)	ĐVHT	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	6	8,6	20	19,4	26	24,5
Kiến thức cơ sở ngành	10	14,3	10	9,7	10	9,4
Kiến thức chuyên ngành	51	72,8	63	61,2	60	56,6
Tốt nghiệp	3	4,3	10	9,7	10	9,4
Tổng	70	100,0	103	100,0	106	100,0

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Đảm bảo chuẩn đầu ra	Giữ nguyên
Cựu học viên	Cần đổi tên thành chuyên ngành Lao và bệnh Phổi	Xây dựng lộ trình đổi sang mã Lao và bệnh Phổi
Nhà tuyển dụng	Cần đổi tên thành chuyên ngành Lao và bệnh Phổi	Xây dựng lộ trình đổi sang mã Lao và bệnh Phổi
Giảng viên	Cần đổi tên thành chuyên ngành Lao và bệnh Phổi	Xây dựng lộ trình đổi sang mã Lao và bệnh Phổi

XII. Mô tả tóm tắt các học phần thuộc chương trình đào tạo

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản được dạy-học ở kỳ học 1. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là báo cáo chuyên

đề. Học phần này đóng góp vào CDR 1 (mức độ cao), CDR 6,7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy-học ở kỳ học 1. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành, Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào CDR 1 (mức độ cao), CDR 6,7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

3. Học phần Sinh lý bệnh-miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh-miễn dịch thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 1. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức để nhận biết cơ chế bệnh sinh và sự thay đổi và tác động của miễn dịch trong chẩn bệnh lao. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, case study. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, báo cáo thảo luận nhóm, báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 1,2 (mức độ cao), CDR 6,7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

4. Học phần Bệnh học nội khoa

Học phần Bệnh học nội khoa thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 1. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng về nội khoa chung trong chẩn đoán, điều trị các bệnh lý hô hấp cơ bản. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, trình bày/báo cáo. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tình huống, viết tiểu luận. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 1,2 (mức độ cao), CDR 6,7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

5. Học phần Hồi sức cấp cứu

Học phần Hồi sức cấp cứu thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 2. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng xử lý các cấp cứu nội khoa thường gặp đặc biệt cấp cứu bệnh lý hô hấp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy/học bên giường bệnh, ngoài giường bệnh. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, lâm bệnh án, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 1,2 (mức độ cao), CDR 6,7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

6. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở kỳ học 2. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán hình ảnh các bệnh lý hô hấp và các bệnh lý chung. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy/học thực hành đọc phim. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, lâm bệnh án, viết chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 1,2 (mức độ cao), CDR 6,7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

7. Học phần Định hướng chuyên khoa lao

Học phần Định hướng chuyên khoa lao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy-học ở kỳ học 1. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung về chuyên khoa lao, bao gồm các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị, tiên lượng, tư vấn, dự phòng các bệnh Lao và bệnh Phổi thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm trình bày báo cáo, giảng bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, thực hiện mẫu. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bài tập tình huống, lâm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 3,4,5,6 (mức độ cao), CDR 7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

8. Học phần Bệnh Lao người lớn

Học phần Bệnh lao người lớn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy-học ở kỳ học 2. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị, tiên lượng, tư vấn, dự phòng các bệnh Lao người lớn thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm trình bày báo cáo, giảng bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, thực hiện mẫu. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bài tập tình huống, lâm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp

ứng CĐR 3,4,5,6,7,8 (mức độ cao), và CĐR 9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI ngành Lao.

9. Học phần Bệnh Lao trẻ em

Học phần Lao trẻ em là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy-học ở kỳ học 3. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị, tiên lượng, tư vấn, dự phòng các bệnh Lao trẻ em thường gặp. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm trình bày báo cáo, giảng bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, thực hiện mẫu. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bài tập tình huống, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 3,4,5,6 (mức độ cao), CĐR 7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

10. Học phần Bệnh phổi ngoài lao

Học phần Bệnh phổi ngoài lao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở kỳ học 4. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về bệnh phổi ngoài lao. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm trình bày báo cáo, giảng bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, thực hiện mẫu. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bài tập tình huống, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 3,4,5,6 (mức độ cao), CĐR 7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

11. Học phần Chương trình chống lao quốc gia

Học phần Chương trình chống lao quốc gia là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy-học ở kỳ học 5. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng hoạt động của Chương trình chống lao quốc gia. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực

thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bài tập tình huống. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 3,7,8 (mức độ cao), CDR 6,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

12. Học phần Bệnh phổi hiếm gặp

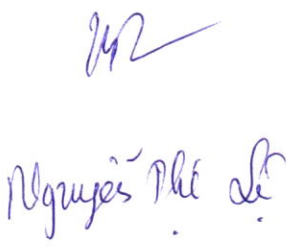
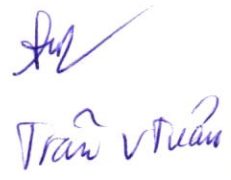
Học phần Bệnh phổi hiếm gặp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy-học ở kỳ học 5. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị, tiên lượng, tư vấn, dự phòng các bệnh phổi hiếm gặp. Học phần còn trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm trình bày báo cáo, giảng bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, thực hiện mẫu. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, báo cáo chuyên đề, bài tập tình huống, làm bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 3,4,5,6 (mức độ cao), CDR 7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

13. Học phần tốt nghiệp

Học phần tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy-học ở học kỳ 6 năm thứ ba. Học phần này sẽ giúp học viên được củng cố lại kiến thức lý thuyết cũng như kỹ năng thực hành tay nghề. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm trình bày báo cáo, giảng bên giường bệnh, thảo luận ca bệnh ngoài giường bệnh, cầm tay chỉ việc, thực hiện mẫu. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm MCQ, tiểu luận, thi tự luận, thực hành tay nghề, làm bệnh án. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 3,4,5,6 (mức độ cao), CDR 7,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Chỉnh sửa cấu trúc bản mô tả và nội dung phần mô tả tóm tắt các học phần theo mẫu ban hành kèm theo QĐ số 1260/QĐ-ĐHYD ngày 27/9/2021	01/11/2021	 Nguyễn Thị Lê	 Trần Tuấn

XVI. Thành phần phê duyệt




HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

Ban Giám hiệu

Hội đồng Khoa/Bộ môn


Trần Tuấn

**Tổ trưởng xây dựng/
rà soát**


Nguyễn Thị Lê

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN KHOA I CHUYÊN NGÀNH LAO

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022